TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phụng T, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp N, xã L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp N, xã L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Phụng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phụng T và anh Nguyễn Văn T kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 112, Quyển số 01 vào ngày 24-12-2002. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, không quan tâm chăm sóc nhau do anh T không phụ giúp chăm lo gia đình, con cái, thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ. Từ tháng 6-2019, vợ chồng sống ly thân cho đến nay nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

- Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 27-10-2001 và cháu Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 22-7-2007. Hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã ghi nhận được ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn T tại biên bản lấy lời khai ngày 03-7-2019.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với chị T về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng thường xuyên cãi vả do mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và kinh tế gia đình. Từ tháng 6-2019, vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, anh T vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Anh Th và cháu Nguyễn Thị Thanh Th hiện đang sống với chị T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 (một triệu đồng)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét

xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Chị T và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc và đã ly thân. Hiện, con chung đang sống cùng với chị T và có nguyện vọng sống cùng với chị T nên có đủ căn cứ để đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Phụng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp N, xã L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phụng T và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương vào ngày 24-12-2002 theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 112, Quyển số 01 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài khi cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Từ tháng 6-2019 cho đến nay, chị T và anh T sống ly thân. Anh T không đồng ý ly hôn với chị T nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị T, anh T phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L nên yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 27-10-2001 và cháu Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 22-7-2007. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, các cháu đang sống với chị T. Tại Tòa án, các cháu có nguyện vọng muốn

sống chung với chị T trong trường hợp cha mẹ phải ly hôn. Chị T có công việc, thu nhập ổn định nên đủ điều kiện chăm sóc các cháu và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Phụng T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Phụng T và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2001 và cháu Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2007 cho chị Nguyễn Phụng T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó

khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị T thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung đối với anh T.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Phụng T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0021042 ngày 24 tháng 5 năm 2019 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND huyện Bàu Bàng ;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự ;
- UBND xã L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (Giấy Chứng nhận kết hôn số 112, Quyển số 01 vào ngày 24-12-2002);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Nhật Thanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Hưng **Nguyễn Minh Tâm** **Cao Nhật Thanh**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Hưng **Nguyễn Minh Tâm** **Cao Nhật Thanh**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Phi Anh Toàn **Vũ Thị Hạnh**